TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42/2022/QĐST-DS

B, ngày 06 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: **Chung Kim H**, sinh ngày 20/6/1964

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Lê Thị T**, sinh ngày 21/12/1963.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Chung Kim H và bà Lê Thị T thống nhất phần đất đang tranh chấp là phần giáp ranh giữa thửa đất số 714, tờ bản đồ số 2 (số liệu đo đạc mới thuộc thửa 83, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được vào sổ cấp giấy: Số 174, 175/QĐ-UB ngày 20 tháng 2 năm 2001 và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 17 tọa lạc

tại ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Chung Kim H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được vào sổ cấp giấy số: HM00232 ngày 25 tháng 9 năm 2009. Phần đất tranh chấp có diện tích 15m^2 thuộc các điểm A, B, B', E của thửa 110-1, tờ bản đồ số 17 (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23 tháng 5 năm 2022), phần đất tranh chấp có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 110-3, tờ bản đồ số 17

+ Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 110, tờ bản đồ số 17 của Chung Kim H.

+ Phía Đông giáp thửa 110-2, tờ bản đồ số 17

+ Phía Tây giáp thửa 83, tờ bản đồ số 17 của Lê Thị T

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Bà Chung Kim H đồng ý để bà Lê Thị T được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên. Bà Chung Kim H, bà Lê Thị T thống nhất thỏa thuận khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (ngày 6/6/2022), bà Chung Kim H, bà Lê Thị T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh biến động về diện tích thửa đất và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi một phần và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Chung Kim H sang cho bà Lê Thị T với diện tích, vị trí thửa đất, tờ bản đồ và tứ cận nêu trên.

Bà Chung Kim H, bà Lê Thị T thống nhất phần diện tích 14,3m^2 thuộc thửa 110-2, tờ bản đồ số 17 (có họa đồ sử dụng đất kèm theo) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 110, tờ bản đồ số 17 của bà Chung Kim H là phần diện tích thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Chung Kim H, các bên không có tranh chấp.

Bà Lê Thị T được toàn quyền quản lý sử dụng một nhà tiền chế, có diện tích 6,7m^2 và một nhà vệ sinh (WC) có diện tích 9,3 m^2 nằm trên thửa 110-1 mà mình quản lý sử dụng. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ một phần mái che tol thiếc (của nhà vệ sinh, nhà tiền chế) lấn qua phần không gian của thửa 110-2 của bà Chung

Kim H theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 23/5/2022 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B kèm theo.

*** Về chi phí tố tụng:** Số tiền chi phí đo đạc 4.701.000 đồng (bốn triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng) bị đơn bà Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ, phía bà Chung Kim H đã tạm ứng trước và quyết toán xong, do đó bà bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Chung Kim H số tiền nêu trên. Bà Lê Thị T đã hoàn trả xong cho bà Chung Kim H số tiền 4.701.000 đồng (bốn triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Hoàn trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Chung Kim H theo biên lai thu số 0017940 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cuïc Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương